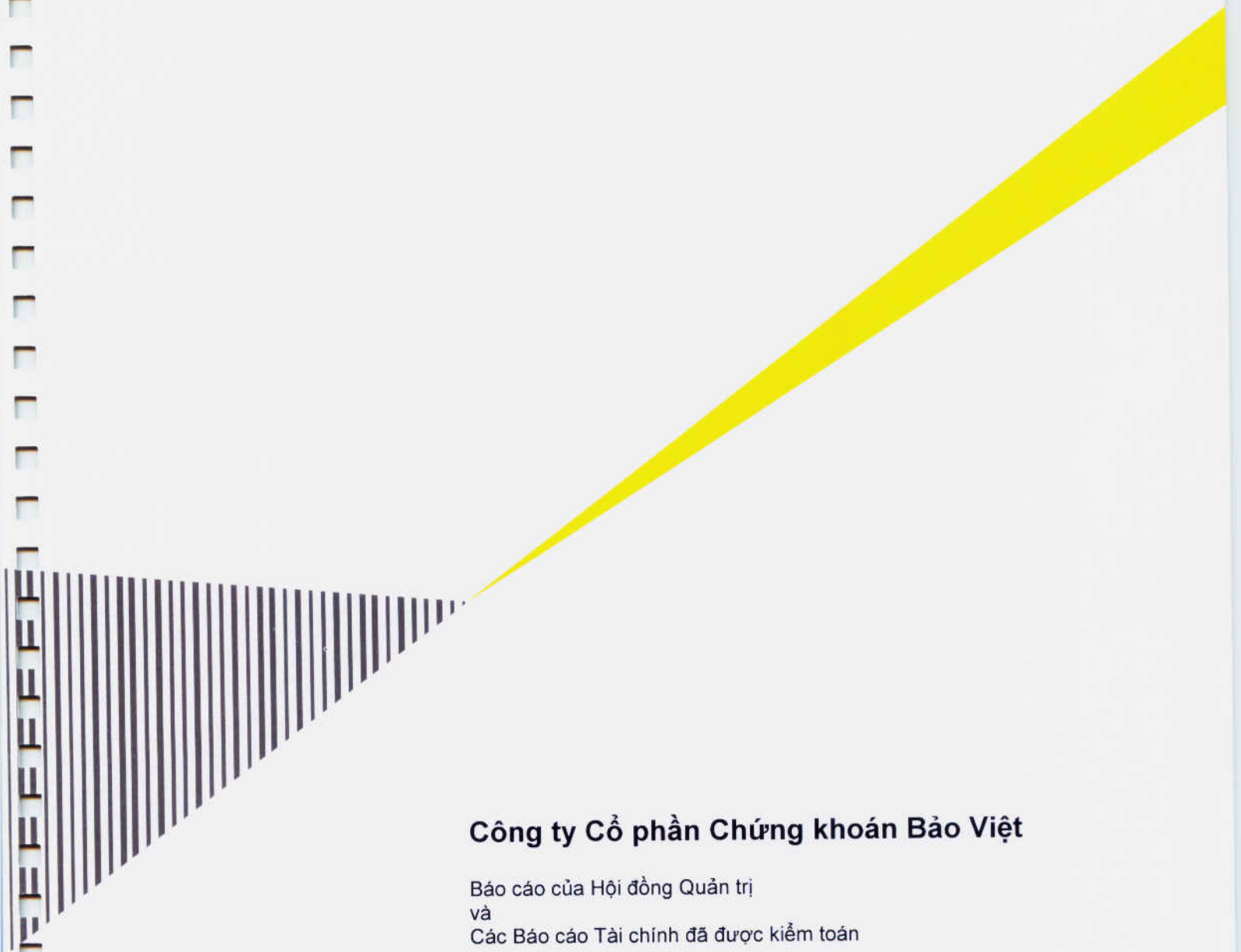




Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và
Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 40

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999, Giấy phép đăng ký kinh doanh số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 150.000.000.000 đồng Việt Nam lên 450.000.000.000 đồng Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 1 năm 2008 và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 122/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 4 năm 2008.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại lầu 2- lầu 7, số 6, đường Lê Thánh Tôn, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
(Lỗ)/ lợi nhuận thuần sau thuế cho năm	(452.401.256.881)	214.591.103.631
Cổ tức trả trong năm	37.500.000.000	29.978.600.000
(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận để lại vào cuối năm	(296.711.441.947)	204.675.370.116

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 số 056655 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 450.000.000.000 đồng Việt Nam.

Công ty đã phát hành 30.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá phát hành là 32.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu. Vào ngày 16 tháng 4 năm 2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 122/UBCK-GPĐCCTCK phê duyệt việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

30.000.000 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty đã được niêm yết bổ sung và chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 23 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty, với tư cách là cổ đông sáng lập, cam kết góp vốn 5.000.000.000 đồng Việt Nam vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt có mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và sửa đổi lần 1 số 0103034168 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp tương ứng vào các ngày 9 tháng 1 năm 2009 và ngày 19 tháng 1 năm 2009. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt là đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Vào ngày 25 tháng 2 năm 2009, Công ty đã tiến hành điều chuyển cân đối 35.000.000.000 đồng Việt Nam từ tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty sang tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất việc đối chiếu thanh toán bù trừ đến hết năm giữa Trụ sở tại Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2001
Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2001
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2001
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thanh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2007

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2006
Ông Ngô Phương Chí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2006
Ông Bùi Quang Bách	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2008
Ông Nhữ Đình Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2008
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được qui định tại Quyết định số 99/2000/QĐ- BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 60758149/13551933

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 5 đến trang 40. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2009


Trần Thị Thanh Thủy
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0815/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		1.088.952.824.123	1.568.056.324.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	IV.2	409.512.450.020	876.170.837.965
111	1. Tiền mặt tại quỹ		453.400.325	630.633.493
112	2. Tiền gửi Ngân hàng		27.209.107.745	102.491.040.951
114	3. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán		291.849.941.950	678.049.163.521
119	4. Các khoản tương đương tiền		90.000.000.000	95.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		558.066.355.025	471.278.128.584
121	1. Chứng khoán tự doanh	IV.3	858.483.118.641	512.154.968.585
126	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh	IV.3	(300.416.763.616)	(40.876.840.001)
130	III. Các khoản phải thu	IV.4	102.023.748.503	178.542.424.092
131	1. Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán		7.305.598.000	5.950.000.000
132	2. Phải thu của người đầu tư		1.472.438.764	5.176.011.736
133	3. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán		2.755.838.537	1.403.369.214
134	4. Ứng trước cho người bán và đại lý phát hành chứng khoán		76.430.355.749	159.333.076.263
137	5. Phải thu khác		14.059.517.453	6.679.966.879
150	IV. Tài sản lưu động khác		19.350.270.575	42.064.933.800
151	1. Tạm ứng	IV.5	16.632.660.200	41.020.703.000
152	2. Chi phí trả trước	IV.6	49.351.498	1.044.230.800
154	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	IV.26	2.668.258.877	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		349.559.304.966	202.611.086.225
210	I. Tài sản cố định		14.176.436.509	6.251.270.104
211	1. Tài sản cố định hữu hình	IV.7	12.966.040.845	6.247.645.104
212	Nguyên giá		20.243.856.809	11.564.162.501
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.277.815.964)	(5.316.517.397)
217	2. Tài sản cố định vô hình	IV.8	1.210.395.664	3.625.000
218	Nguyên giá		1.654.736.256	409.275.000
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(444.340.592)	(405.650.000)
220	II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		325.096.800.000	192.250.000.000
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	IV.9	387.324.076.342	190.000.000.000
222	2. Đầu tư dài hạn khác	IV.10	82.960.000.000	2.250.000.000
227	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn	IV.9	(145.187.276.342)	-
240	III. Tài sản dài hạn khác		10.286.068.457	4.109.816.121
241	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	IV.11	2.460.692.899	659.588.370
242	2. Quỹ hỗ trợ thanh toán	IV.12	4.610.757.685	1.575.326.634
243	3. Tài sản dài hạn khác	IV.13	3.214.617.873	1.874.901.117
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.438.512.129.089	1.770.667.410.666

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		370.947.402.534	1.166.638.278.479
310	I. Nợ ngắn hạn		370.947.402.534	1.166.638.278.479
311	1. Vay ngắn hạn		-	90.000.000.000
315	2. Phải trả trung tâm giao dịch chứng khoán		463.817.663	1.982.782.739
317	3. Phải trả về chứng khoán nhận đại lý phát hành		800.000.000	-
318	4. Phải trả người bán	IV.14	4.409.004.043	104.134.788.734
319	5. Người mua ứng trước	IV.15	4.765.631.000	4.487.621.000
320	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		8.443.276.870	643.604.320
323	7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	IV.26	1.228.028.494	13.752.081.593
324	8. Phải trả nhân viên		7.062.230.592	12.099.489.074
325	9. Chi phí phải trả	IV.16	707.410.431	3.472.686.778
327	10. Phải trả tổ chức phát hành	IV.17	9.373.960.114	163.245.363.618
328	11. Phải trả, phải nộp khác	IV.18	6.821.371.798	94.747.967.523
329	12. Tài sản thừa chờ xử lý		22.729.579	22.729.579
332	13. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của người đầu tư	IV.19	326.849.941.950	678.049.163.521
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.067.564.726.555	604.029.132.187
410	I. Vốn góp ban đầu		451.500.000.000	150.000.000.000
412	1. Vốn cổ phần đã phát hành	IV.20	451.500.000.000	150.000.000.000
420	II. Vốn bổ sung		881.092.536.720	220.281.110.000
421	1. Thặng dư vốn cổ phần	IV.20	881.092.536.720	220.281.110.000
430	III. Các quỹ và (lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối	VI.20, IV.21	(265.027.810.165)	233.748.022.187
431	1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		14.322.179.098	14.322.179.098
432	2. Quỹ dự phòng tài chính		14.322.179.098	14.322.179.098
438	3. (Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối		(296.711.441.947)	204.675.370.116
439	4. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		3.039.273.586	428.293.875
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.438.512.129.089	1.770.667.410.666

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
1. Vật tư nhận giữ hộ	300.000.000	300.000.000
2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản	7.722.156.556	5.722.167.397
3. Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước	12.278.023.170.000	10.081.492.490.000
3.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước	12.277.823.170.000	9.969.521.090.000
3.1.1 Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước	506.455.350.000	90.092.490.000
3.1.2 Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước	11.771.367.820.000	9.878.251.726.500
3.1.3 Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên trong nước	-	1.176.873.500
3.2 Chứng khoán cầm cố thành viên trong nước	200.000.000	111.971.400.000
3.2.1 Chứng khoán cầm cố của công ty thành viên trong nước	-	90.000.000.000
3.2.2 Chứng khoán cầm cố của người đầu tư thành viên trong nước	200.000.000	21.971.400.000
4. Chứng khoán mua lẻ	59.764.800.000	21.060.000.000
4.1 Chứng khoán mua lẻ chưa niêm yết	59.764.800.000	21.060.000.000
5. Lưu ký chứng khoán chưa niêm yết	2.472.228.255.000	564.318.190.000
Tổng cộng tài khoản ngoại bảng	14.818.038.381.556	10.672.892.847.397


Bùi Quang Kỳ
Phụ trách kế toán


Nguyễn Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	IV.22	162.841.344.937	374.928.786.036
	<i>Trong đó:</i>			
02	- Môi giới chứng khoán		58.280.465.694	149.680.178.239
03	- Hoạt động tự doanh chứng khoán		31.993.586.091	143.457.222.257
04	- Quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		-	3.596.304.138
05	- Bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán		11.609.443.324	52.067.315.267
06	- Tư vấn tài chính		15.545.499.234	7.200.487.007
07	- Lưu ký chứng khoán		2.361.498.310	1.481.153.470
09	- Lãi tiền gửi		43.050.852.284	17.446.125.658
11	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
12	3. Doanh thu thuần	IV.22	162.841.344.937	374.928.786.036
13	4. Thu lãi đầu tư	IV.23	50.882.874.150	25.039.358.569
14	5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		213.724.219.087	399.968.144.605
15	6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	IV.24	(589.469.888.894)	(106.868.162.168)
20	7. (Lỗ)/ lợi nhuận gộp		(375.745.669.807)	293.099.982.437
30	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	IV.25	(75.972.548.836)	(55.194.540.613)
40	9. (Lỗ)/ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(451.718.218.643)	237.905.441.824
41	- Thu nhập khác		68.445.085	3.312.129
42	- Chi phí khác		(58.770.900)	(1.115.005)
50	10. Lợi nhuận khác		9.674.185	2.197.124

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	11. (Lỗ)/ lợi nhuận trước thuế		(451.708.544.458)	237.907.638.948
61	12. (Lỗ)/ lợi nhuận tính thuế	IV.26	(477.663.365.611)	233.165.353.173
70	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	IV.26	(692.712.423)	(23.316.535.317)
80	14. (Lỗ)/ lợi nhuận sau thuế		(452.401.256.881)	214.591.103.631
91	15. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	IV.29	(12.480)	14.327



Bùi Quang Kỳ
Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		115.142.926.399	358.703.431.589
02	Tiền thu khác ngoài hoạt động kinh doanh chứng khoán		50.562.267	3.059.090
03	Tiền thu từ các khoản nợ phải thu		23.001.783.441.039	55.015.308.882.640
04	Tiền chi trả cho người bán		(10.563.513.925)	(1.113.275.780)
05	Tiền chi trả cho các khoản nợ phải trả		(24.305.227.544.181)	(55.258.758.674.552)
06	Tiền chi trả cho người lao động		(43.003.235.438)	(24.297.852.351)
07	Tiền chi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước		(23.707.417.048)	(18.701.257.243)
08	Tiền thực chi cho chi phí kinh doanh		(23.047.829.148)	(35.049.871.631)
09	Tiền thực chi cho chi phí quản lý doanh nghiệp		(10.102.907.102)	(8.761.289.583)
10	Tiền thực chi cho chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		(350.050.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(1.299.025.567.137)	27.333.152.179
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.477.582.821)	(5.624.880.171)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		18.232.727	-
23	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(2.668.232.134.100)	(2.666.468.221.000)
24	Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		2.638.435.000.000	2.666.972.294.026
26	Thu lãi đầu tư		45.731.934.999	14.625.478.415
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(524.549.195)	9.504.671.270

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu, nhận lại tiền góp vốn vào đơn vị khác		960.811.426.720	774.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(642.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		50.000.000.000	126.582.200.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(140.000.000.000)	(36.582.200.000)
35	Trả lãi tiền vay		(514.563.333)	(1.049.445.660)
37	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(37.405.135.000)	(29.733.535.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		832.891.728.387	59.349.019.340
50	(Giảm)/ tăng thuần tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(466.658.387.945)	96.186.842.789
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		876.170.837.965	779.983.995.176
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	IV.2	409.512.450.020	876.170.837.965



Bùi Quang Kỳ
Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999, Giấy phép đăng ký kinh doanh số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 150.000.000.000 đồng Việt Nam lên 450.000.000.000 đồng Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 1 năm 2008 và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 122/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 4 năm 2008.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2001
Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2001
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2001
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thanh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2007

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2006
Ông Ngô Phương Chí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2006
Ông Bùi Quang Bách	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2008
Ông Nhữ Đình Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2008
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2008
	kiêm giám đốc chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hải Phong	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2007
Ông Lê Tiến Toàn	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2004
Bà Trần Thị Bích	Thành viên ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2005

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại lầu 2- lầu 7, số 6, đường Lê Thánh Tôn, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các đại lý nhận lệnh sau:

<i>Tên Đại lý</i>	<i>Địa chỉ</i>
Đại lý Nhận lệnh số 9 Đinh Tiên Hoàng	Số 9 Đinh Tiên Hoàng, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh
Đại lý nhận lệnh BVSC – VOSCO	Số 215 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Đại lý nhận lệnh BVSC – Sông Lam	Số 62A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Nghệ An

NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 230 người (năm 2007 là 169 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với:

- ▶ Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
 - ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- ▶ Theo tinh thần Công văn số 15040/BTC-CĐKT ngày 10 tháng 12 năm 2008 của Vụ Chế độ Kế toán – Bộ Tài chính, Công ty vẫn áp dụng Quyết định 99/2000/QĐ-BTC cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này và sẽ thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

3. *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4. *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 – 4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

5. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

6. *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

6.1 *Chứng khoán tự doanh và đầu tư chứng khoán dài hạn*

Chứng khoán tự doanh (chứng khoán đầu tư ngắn hạn) và đầu tư chứng khoán dài hạn được phản ánh theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

6.2 *Dự phòng giảm giá chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Giá trị thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được theo theo các cơ sở định giá tin cậy khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán theo đánh giá của Công ty. Việc đánh giá mức độ giảm giá của chứng khoán niêm yết đầu tư dài hạn được thực hiện trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ CHÍ MINH) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Việc đánh giá mức độ giảm giá của chứng khoán chưa niêm yết đầu tư dài hạn được thực hiện trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín, và/hoặc các mô hình định giá chứng khoán của Công ty theo thống lệ Việt Nam và Quốc tế.

7. *Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo")*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

8. *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

9. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

10. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

11. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hằng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

12. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hằng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 100% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

14. *Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra*

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

15. *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

16. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền kí quỹ mua chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại cùng ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV.1 Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
1. Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	45.717.228	1.554.857.758.100
- Trái phiếu	3.900.439	385.019.300.000
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	2.236.470	25.232.626.000
2. Của người đầu tư		
- Cổ phiếu	86.756.006.084	19.897.932.415.900
- Trái phiếu	58.682.500	5.525.881.535.000
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	17.047.990	195.857.355.000
	86.883.590.711	27.584.780.990.000

IV.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	453.400.325	630.633.493
Tiền gửi ngân hàng	27.209.107.745	102.491.040.951
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	326.849.941.950	678.049.163.521
Số dư tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán tại thời điểm cuối năm	291.849.941.950	678.049.163.521
Khoản tiền đã được chuyển lại từ tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty sang tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	35.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	95.000.000.000
Số dư các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	90.000.000.000	95.000.000.000
Giảm các khoản tương đương tiền để chuyển lại từ tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty sang tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	(35.000.000.000)	-
	409.512.450.020	876.170.837.965

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm tiền gửi có kì hạn tại ngân hàng cổ phần Sài Gòn Công Thương – chi nhánh Hà Nội và ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế. Các khoản tiền gửi này có lãi suất từ 7,9% đến 12,7% và có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng.

(*): Vào ngày 25 tháng 2 năm 2009, Công ty đã tiến hành điều chuyển cân đối 35.000.000.000 đồng Việt Nam từ tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty sang tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất việc đối chiếu thanh toán bù trừ đến hết năm giữa Trụ sở tại Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.3 Chứng khoán tự doanh

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	520.481.992.516	382.143.649.111
Cổ phiếu chưa niêm yết	268.001.126.125	129.411.319.474
Trái phiếu	70.000.000.000	600.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh	(300.416.763.616)	(40.876.840.001)
	558.066.355.025	471.278.128.584

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại cổ phiếu có giá trị thị trường đối với cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý đối với cổ phiếu chưa niêm yết thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín.

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết không có tham khảo báo giá được xác định trên cơ sở định giá các cổ phiếu theo một hoặc kết hợp một số các phương pháp định giá sau:

- ▶ Phương pháp chiết khấu dòng thu nhập dự báo trong tương lai: phương pháp này xác định các dòng thu nhập trong tương lai (như luồng cổ tức - DDM, dòng tiền tự do của doanh nghiệp - FCFF, dòng tiền tự do vốn chủ sở hữu - FCFE) theo từng năm (thường từ 5 đến 12 năm). Dòng thu nhập trong tương lai được chiết khấu theo các tỷ lệ chiết khấu phù hợp (là tỷ lệ hoàn vốn của khoản đầu tư được yêu cầu bởi nhà đầu tư) về giá trị hiện tại. Đối với năm dự báo cuối cùng, giá trị cuối được xác định, thể hiện giá trị doanh nghiệp được ước tính bởi Công ty tại thời điểm đó. Giá trị cuối này được chiết khấu theo tỷ lệ chiết khấu về giá trị hiện tại. Tổng giá trị hiện tại của các dòng thu nhập và giá trị cuối thể hiện giá trị hợp lý theo ước tính của Công ty;
- ▶ Phương pháp giá trị tài sản thuần: xác định giá trị khoản đầu tư dựa trên giá trị thị trường hoặc giá trị sổ sách của các loại tài sản của doanh nghiệp; và
- ▶ Phương pháp hệ số giá/thu nhập (P/E): xác định giá trị hệ số giá/thu nhập của các doanh nghiệp tương đương nhân với thu nhập của doanh nghiệp để tính giá tương ứng của doanh nghiệp/cổ phiếu cần xem xét giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.4 Các khoản phải thu

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán	7.305.598.000	5.950.000.000
Phải thu của nhà đầu tư	1.472.438.764	5.176.011.736
<i>Phải thu phí giao dịch của nhà đầu tư</i>	1.472.438.764	3.607.921.697
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	-	1.568.090.039
Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	2.755.838.537	1.403.369.214
Ứng trước cho người bán và đại lý phát hành chứng khoán	76.430.355.749	159.333.076.263
Các khoản phải thu khác	14.059.517.453	6.679.966.879
<i>Lãi tiền gửi</i>	1.060.718.308	82.638.889
<i>Cổ tức</i>	1.033.910.000	749.555.900
<i>Trái tức</i>	4.717.965.474	4.761.165.477
<i>Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán</i>	4.521.190.000	-
<i>Phải thu từ nhân viên</i>	2.201.043.637	-
<i>Phải thu khác</i>	524.690.034	1.086.606.613
	102.023.748.503	178.542.424.092

IV.5 Tạm ứng

Các khoản tạm ứng bao gồm tạm ứng cho nhân viên trong Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

IV.6 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Giá trị công cụ dụng cụ, các chi phí ngắn hạn còn phải phân bổ	49.351.498	1.044.230.800
	49.351.498	1.044.230.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.7 Tài sản cố định hữu hình

IV.7.1 Tình hình tăng giảm tài sản cố định

	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	9.246.101.649	2.159.444.880	158.615.972	11.564.162.501
Mua trong năm	7.878.025.701	1.181.731.543	900.292.528	9.960.049.772
Thanh lý, nhượng bán	(1.280.355.464)	-	-	(1.280.355.464)
Số dư cuối năm	15.843.771.886	3.341.176.423	1.058.908.500	20.243.856.809
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	4.511.655.249	746.671.019	58.191.129	5.316.517.397
Khấu hao trong năm	2.657.030.819	470.966.233	108.818.717	3.236.815.769
Thanh lý, nhượng bán	(1.275.517.202)	-	-	(1.275.517.202)
Số dư cuối năm	5.893.168.866	1.217.637.252	167.009.846	7.277.815.964
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	4.734.446.400	1.412.773.861	100.424.843	6.247.645.104
Số dư cuối năm	9.950.603.020	2.123.539.171	891.898.654	12.966.040.845

IV.7.2 Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (VNĐ)	Tài sản cố định và trang thiết bị		
	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	%
150.000.000.000	Nguyên giá	11.564.162.501	7,71%
	Hao mòn lũy kế	(5.316.517.397)	3,54%
	Giá trị còn lại	6.247.645.104	4,17%
Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (VNĐ)	Tài sản cố định và trang thiết bị		
	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	%
451.500.000.000	Nguyên giá	20.243.856.809	4,50%
	Hao mòn lũy kế	(7.277.815.964)	1,62%
	Giá trị còn lại	12.966.040.845	2,88%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.8 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính
VNĐ

Nguyên giá:

Số dư đầu năm	409.275.000
Mua trong năm	1.245.461.256
Thanh lý, nhượng bán	-
Số dư cuối năm	<u>1.654.736.256</u>

Giá trị hao mòn:

Số dư đầu năm	405.650.000
Khấu trừ trong năm	38.690.592
Thanh lý, nhượng bán	-
Số dư cuối năm	<u>444.340.592</u>

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm	<u>3.625.000</u>
Số dư cuối năm	<u>1.210.395.664</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.9 Đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	183.801.076.342	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	31.412.000.000	-
Trái phiếu Chính phủ	62.111.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu của tổ chức tài chính	-	50.000.000.000
Trái phiếu công ty	110.000.000.000	110.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(145.187.276.342)	-
	242.136.800.000	190.000.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán theo đánh giá của Công ty.

Việc đánh giá mức độ giảm giá của chứng khoán niêm yết đầu tư dài hạn được thực hiện trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Việc đánh giá mức độ giảm giá của chứng khoán chưa niêm yết đầu tư dài hạn được thực hiện trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín, và/hoặc các mô hình định giá chứng khoán của Công ty theo thông lệ Việt Nam và Quốc tế như sau:

- ▶ Phương pháp chiết khấu dòng thu nhập dự báo trong tương lai: phương pháp này xác định các dòng thu nhập trong tương lai (như luồng cổ tức - DDM, dòng tiền tự do của doanh nghiệp - FCFF, dòng tiền tự do vốn chủ sở hữu - FCFE) theo từng năm (thường từ 5 đến 12 năm). Dòng thu nhập trong tương lai được chiết khấu theo các tỷ lệ chiết khấu phù hợp (là tỷ lệ hoàn vốn của khoản đầu tư được yêu cầu bởi nhà đầu tư) về giá trị hiện tại. Đối với năm dự báo cuối cùng, giá trị cuối được xác định, thể hiện giá trị doanh nghiệp được ước tính bởi Công ty tại thời điểm đó. Giá trị cuối này được chiết khấu theo tỷ lệ chiết khấu về giá trị hiện tại. Tổng giá trị hiện tại của các dòng thu nhập và giá trị cuối thể hiện giá trị hợp lý theo ước tính của Công ty;
- ▶ Phương pháp giá trị tài sản thuần: xác định giá trị khoản đầu tư dựa trên giá trị thị trường hoặc giá trị sổ sách của các loại tài sản của doanh nghiệp; và
- ▶ Phương pháp hệ số giá/thu nhập (P/E): xác định giá trị hệ số giá/thu nhập của các doanh nghiệp tương đương nhân với thu nhập của doanh nghiệp để tính giá tương ứng của doanh nghiệp/cổ phiếu cần xem xét giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.10 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Tên đơn vị	Tổng vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo mệnh giá (VNĐ)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bảo Tín	50.000.000.000	5%	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng	30.000.000.000	9%	2.800.000.000	5.460.000.000
Công ty Thủy điện Bắc Hà	600.000.000.000	10%	60.000.000.000	75.000.000.000
				82.960.000.000

Công ty đã góp 2,5 tỷ đồng Việt Nam vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bảo Tín, chiếm 5% tổng giá trị vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bảo Tín. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bảo Tín có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng Việt Nam, thời hạn hoạt động 50 năm, và được thành lập theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 25/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 1 năm 2008.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty nắm giữ 280.000 cổ phần của công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng. Theo thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng và Công ty, Công ty cam kết sẽ nắm giữ các cổ phần trên theo lộ trình sau:

- ▶ Công ty được tự do chuyển nhượng tiếp 70.000 cổ phần nắm giữ sau 18 tháng kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2008, ngày Công ty thanh toán đủ tiền mua cổ phần; và
- ▶ Công ty được tự do chuyển nhượng 210.000 cổ phần còn lại sau 36 tháng kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2008, ngày Công ty thanh toán đủ tiền mua cổ phần.

Trong năm 2008, Công ty cũng đã:

- ▶ góp 30 tỷ đồng Việt Nam vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà với tư cách cổ đông sáng lập sở hữu 30.000.000 cổ phần; và
- ▶ đồng thời Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 30.000.000 cổ phần từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOI).

Theo đó, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng giá trị đầu tư theo mệnh giá của Công ty vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà là 60 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Bắc Hà. Công ty cổ phần Thủy điện Bắc Hà là chủ đầu tư dự án thủy điện Bắc Hà với tổng số vốn điều lệ ban đầu là 600 tỷ đồng Việt Nam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000132 ngày 12 tháng 9 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.11 Ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Khoản đặt cọc tiền thuê nhà	2.460.692.899	659.588.370
	2.460.692.899	659.588.370

IV.12 Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Số dư đầu năm	1.575.326.634	637.317.093
Tăng trong năm	3.038.579.900	938.009.541
Giảm trong năm	(3.148.849)	-
Số dư cuối năm	4.610.757.685	1.575.326.634

IV.13 Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác của Công ty bao gồm các chi phí dài hạn chưa phân bổ hết vào chi phí tại thời điểm cuối năm. Tình hình phân bổ chi phí dài hạn trong năm được chi tiết như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Số dư đầu năm	1.874.901.117	1.237.966.840
Tăng trong năm	3.737.086.946	2.636.756.759
Kết chuyển vào chi phí	(2.397.370.190)	(1.999.822.482)
Số dư cuối năm	3.214.617.873	1.874.901.117

IV.14 Phải trả người bán

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả theo hợp đồng bán repo trái phiếu	-	102.378.000.000
Phải trả người bán khác	4.409.004.043	1.756.788.734
	4.409.004.043	104.134.788.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.15 Người mua ứng trước

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.765.631.000	4.487.621.000
	4.765.631.000	4.487.621.000

IV.16 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Chi phí lãi vay	-	1.270.694.444
Dự phòng trợ cấp thôi việc	45.702.457	45.226.236
Các khoản khác	661.707.984	2.156.766.098
	707.410.431	3.472.686.778

IV.17 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tại Văn phòng Hà Nội	5.087.397.874	91.393.580.324
Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ Xuất nhập khẩu Từ Liêm	-	8.854.350.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	3.112.280.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	1.952.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	70.898.080.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	5.209.500.000
Tổ chức khác	1.975.117.874	4.479.650.324
Tại chi nhánh Hồ Chí Minh	4.286.562.240	71.851.783.294
Công ty Kho Vận Miền Nam (Sotran)	-	39.474.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	3.067.510.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	-	1.272.100.000
Công ty Cảng Đồng Nai	-	6.124.400.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	28.800.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	-	19.450.641.000
Công ty Cổ phần Hóa An	-	1.354.240.000
Cổ đông nộp tiền tăng vốn	-	8.678.731.350
Tổ chức khác	1.219.052.240	6.132.196.944
	9.373.960.114	163.245.363.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.18 Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	17.825.859	27.545.676
Kinh phí công đoàn	1.324.113.757	946.910.497
Phải trả Tổng Công ty Lâm nghiệp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	80.531.749.833
Phải trả Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí theo hợp đồng mua hộ chứng khoán chưa niêm yết	-	5.700.000.000
Phải trả VOF theo hợp đồng mua gom cổ phiếu OTC	4.089.000.000	4.089.000.000
Phải trả đặt cọc mua cổ phiếu OTC	-	734.701.160
Phải trả Công ty Chứng khoán Kim Long theo hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành	-	800.000.000
Phải trả Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam về mua gom cổ phiếu Bảo Việt	-	623.350.000
Phải trả khác	1.390.432.182	1.294.710.357
	6.821.371.798	94.747.967.523

IV.19 Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Nhà đầu tư của Trụ sở chính	94.541.979.461	214.273.300.989
Nhà đầu tư của Chi nhánh Hồ Chí Minh	232.307.962.489	463.775.862.532
	326.849.941.950	678.049.163.521

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

B09-CTCK

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.20 Vốn chủ sở hữu

IV.20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

	Vốn cổ phần đã phát hành VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	150.000.000.000	220.281.110.000	(132.000.000)	1.047.929.806	1.047.929.806	329.266.584	48.861.365.069	421.435.601.265
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(321.000.000)	-	-	-	-	(321.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	453.000.000	-	-	-	-	453.000.000
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2006	-	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	13.274.249.292	13.274.249.292	2.250.000.000	(28.798.498.584)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.150.972.709)	-	(2.150.972.709)
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	214.591.103.631	214.591.103.631
Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2007	-	-	-	-	-	-	(14.978.600.000)	(14.978.600.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	150.000.000.000	220.281.110.000	-	14.322.179.098	14.322.179.098	428.293.875	204.675.370.116	604.029.132.187
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	150.000.000.000	220.281.110.000	-	14.322.179.098	14.322.179.098	428.293.875	204.675.370.116	604.029.132.187
Tăng vốn	300.000.000.000	-	-	-	-	-	-	300.000.000.000
Tăng vốn theo chương trình ESOP	1.500.000.000	-	-	-	-	(1.500.000.000)	-	-
Tăng thặng dư vốn	-	660.811.426.720	-	-	-	-	-	660.811.426.720
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	10.734.605.182	(10.729.555.182)	5.050.000
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.623.625.471)	-	(6.623.625.471)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị năm 2007	-	-	-	-	-	-	(756.000.000)	(756.000.000)
Lỗ phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	-	(452.401.256.881)	(452.401.256.881)
Chi trả cổ tức lần 2 và lần 3 năm 2007	-	-	-	-	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	451.500.000.000	881.092.536.720	-	14.322.179.098	14.322.179.098	3.039.273.586	(296.711.441.947)	1.067.564.726.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.20 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

IV.20.2 Vốn điều lệ

Vốn cổ phần đã phát hành

Công ty đã phát hành 30.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá phát hành là 32.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu. Thặng dư vốn cổ phần phát sinh trong đợt phát hành này là 660.811.426.720 đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 150.000.000.000 đồng Việt Nam lên 450.000.000.000 đồng Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 số 056655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 1 năm 2008 và Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 122/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 4 năm 2008.

Tăng vốn theo chương trình ESOP

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2007 của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2008, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc phát hành 1% vốn điều lệ năm 2007 tương đương 450.000 cổ phần để thực hiện chương trình cổ phiếu thưởng cho Cán bộ công nhân viên ("ESOP") với nguồn thực hiện là Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Ngày 28 tháng 4 năm 2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 728/UBCK-QLPH không phản đối việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Hội đồng Quản trị của Công ty cũng đã ra Nghị quyết số 46/NQ/HĐQT-BVSC ngày 10 tháng 11 năm 2008 thông qua việc phát hành 150.000 cổ phần tương đương 1% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 thuộc chương trình ESOP. Ngày 4 tháng 12 năm 2008, Công ty đã chính thức thông báo và tiến hành việc phát hành nêu trên.

Hiện Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động sửa đổi của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi phê duyệt việc tăng vốn trên.

Cổ tức

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2008, Công ty đã thông báo về việc trả cổ tức đợt 2 năm 2007 cho các cổ đông bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Theo thông báo này, ngày đăng kí cuối cùng là ngày 23 tháng 1 năm 2008, thời gian chi trả cổ tức bắt đầu từ ngày 25 tháng 2 năm 2008.

Vào ngày 5 tháng 5 năm 2008, Công ty đã thông báo về việc trả cổ tức đợt 3 năm 2007 cho các cổ đông bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phần. Theo thông báo này, ngày đăng kí cuối cùng là ngày 15 tháng 5 năm 2008, thời gian chi trả cổ tức bắt đầu từ ngày 5 tháng 6 năm 2008.

Chi thù lao Hội đồng Quản trị năm 2007

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2007 của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2008, Đại hội Cổ đông đã cũng đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2007, trong đó, Công ty được phép trích 809.900.000 đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế năm 2007 để chi thù lao Hội đồng Quản trị. Theo đó, khoản tiền 756.000.000 đồng Việt Nam, đã được Công ty chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.20 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

IV.20.2 Vốn điều lệ (tiếp theo)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành là 45.150.000 cổ phiếu, trong đó 45.000.000 cổ phiếu này đã được niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV.21 Các quỹ

	Số đầu năm VNĐ	Trích trong năm VNĐ	Sử dụng trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
Quỹ dự phòng	28.644.358.196	-	-	28.644.358.196
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	14.322.179.098	-	-	14.322.179.098
Quỹ dự phòng tài chính	14.322.179.098	-	-	14.322.179.098
Quỹ khen thưởng phúc lợi	428.293.875	10.734.605.182	(8.123.625.471)	3.039.273.586
	29.072.652.071	10.734.605.182	(8.123.625.471)	31.683.631.782

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích thêm trong năm 2008 là 10.729.555.182 đồng Việt Nam, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2008. Trong số tiền 8.123.625.471 đồng Việt Nam đã sử dụng có 1.500.000.000 đồng Việt Nam được chuyển tăng vốn điều lệ theo chương trình ESOP.

IV.22 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	162.841.344.937	374.928.786.036
- Môi giới chứng khoán	58.280.465.694	149.680.178.239
- Hoạt động tự doanh chứng khoán	31.993.586.091	143.457.222.257
- Quản lý danh mục đầu tư	-	3.596.304.138
- Bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	11.609.443.324	52.067.315.267
- Tư vấn tài chính	15.545.499.234	7.200.487.007
- Lưu ký chứng khoán	2.361.498.310	1.481.153.470
- Lãi tiền gửi	43.050.852.284	17.446.125.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần	162.841.344.937	374.928.786.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.23 Thu lãi đầu tư

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi trái phiếu	18.511.974.997	18.586.117.794
Thu lợi tức chứng chỉ quỹ đầu tư	6.366.078.000	1.710.955.000
Cổ tức	26.004.821.153	4.742.285.775
	50.882.874.150	25.039.358.569

IV.24 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	10.846.534.224	31.334.027.655
Chi phí tự doanh chứng khoán	167.509.941.585	26.889.233.504
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.054.671.552	649.643.639
Chi phí lưu ký chứng khoán của người đầu tư	1.335.630.244	880.892.919
Chi phí tư vấn cho nhà đầu tư	1.522.940.941	1.638.677.419
Chi phí dự phòng, trích trước chi phí tổn thất tài sản	404.727.199.957	40.330.250.411
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	775.064.160	2.546.143.066
Chi phí khác	697.906.231	2.599.293.555
	589.469.888.894	106.868.162.168

IV.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí nhân viên	41.968.198.937	39.190.727.411
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	3.550.014.414	2.749.571.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.275.506.361	1.180.844.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.874.984.149	8.401.631.250
Chi phí khác bằng tiền	3.303.844.975	3.671.766.160
	75.972.548.836	55.194.540.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.26 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	11.775.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.253.487.606
Thuế thu nhập cá nhân	993.930.972	880.662.118
Thuế nhà thầu	222.322.522	610.972.003
Thuế khác	-	6.959.866
	1.228.028.494	13.752.081.593

Thuế Giá trị Gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng ("GTGT") với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bao gồm:

- ▶ Môi giới chứng khoán;
- ▶ Tự doanh chứng khoán;
- ▶ Bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- ▶ Lưu ký chứng khoán.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là năm 2000. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 2000. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 28%.

Các khoản lợi tức nhận được từ khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Công ty chịu thuế suất TNDN 20% theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế TNDN đối với lĩnh vực chứng khoán.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Công ty đã được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà nội ngày 13 tháng 12 năm 2006. Theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2007 và 2008 là 10%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.26 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(451.708.544.458)	237.907.638.948
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Tiền phạt vi phạm hành chính	50.000.000	-
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(26.004.821.153)	(4.742.285.775)
(Lỗ)/Lợi nhuận tính thuế	(477.663.365.611)	233.165.353.173
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Thuế TNDN hiện hành ước tính	-	23.316.535.317
Thuế TNDN cho lợi tức nhận được từ khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ đầu tư VF1	597.844.889	-
Thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	94.867.534	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	692.712.423	23.316.535.317
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	12.253.487.606	6.302.226.262
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(15.614.458.906)	(17.365.273.973)
Thuế TNDN (trả trước)/ phải nộp cuối năm	(2.668.258.877)	12.253.487.606

Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục chênh lệch tạm thời do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.27 Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị VND</i>
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ	Phí giao dịch chứng khoán	39.407.920
		Phí lưu ký	140.406.795
		Chi trả cổ tức	22.540.223.000
		Thuê văn phòng	8.863.539.990
Bảo Việt Phi Nhân thọ	Công ty cùng tập đoàn	Phí giao dịch chứng khoán	19.837.020
		Phí lưu ký	8.676.172
Công ty quản lý quỹ Bảo Việt	Công ty cùng tập đoàn	Phí giao dịch chứng khoán	531.690.228
		Phí lưu ký	358.971.968
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty cùng tập đoàn	Phí giao dịch chứng khoán	608.644.982
		Phí lưu ký	303.957.602
		Thuê văn phòng	199.200.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thông thường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (Năm 2007: Mức dự phòng 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả) VND</i>
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ	Phí giao dịch chứng khoán	8.342.880
		Phí lưu ký chứng khoán đã niêm yết	1.574.480
		Phí chứng khoán chưa niêm yết	151.794.548
		Thuê văn phòng	(4.307.040.000)
Bảo Việt Phi Nhân thọ	Công ty cùng tập đoàn	Phí giao dịch chứng khoán	8.409.914
		Phí lưu ký	479.155
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty cùng tập đoàn	Phí giao dịch chứng khoán	57.077.290
		Phí lưu ký	14.688.988
Công ty quản lý quỹ Bảo Việt	Công ty cùng tập đoàn	Phí giao dịch chứng khoán	149.478.400
		Phí lưu ký chứng khoán đã niêm yết	3.908.428
		Phí lưu ký chứng khoán chưa niêm yết	429.355.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.27 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VNĐ
Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Phải thu hợp đồng Repo chứng khoán	3.840.000.000
Bùi Quang Bách	Phó Tổng Giám đốc	Phải thu hợp đồng Repo chứng khoán	570.000.000
Phạm Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Thu phí sử dụng thẻ Master	29.988.101

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lương và thưởng	3.806.364.338	2.242.895.392
Các phúc lợi khác	-	-
	3.806.364.338	2.242.895.392

IV.28 Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng lương (*)	38.250.000.000	36.766.201.052
Tiền thưởng	6.623.625.471	2.150.972.709
Cổ phiếu thưởng theo chương trình ESOP	1.500.000.000	-
Tổng thu nhập	46.373.625.471	38.917.173.761
Số lượng cán bộ nhân viên bình quân	182	134
Tiền lương bình quân tháng	17.537.827	22.950.188
Thu nhập bình quân tháng	21.262.552	24.292.868

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng quỹ lương còn chưa chi hết, còn phải trả cho nhân viên là 7.062.230.592 đồng Việt Nam

IV.29 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
(Lỗ)/ lợi nhuận sau thuế	(452.401.256.881)	214.591.103.631
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
(Lỗ)/ lợi nhuận để phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(452.401.256.881)	214.591.103.631
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.480)	14.327
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	36.250.000	14.978.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.30 Các thông tin khác

IV.30.1 Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động đến hạn:		
Trong vòng 1 năm	9.140.077.260	13.571.646.300
Từ 2 đến 5 năm	13.733.550.423	22.037.981.763
Trên 5 năm	-	-
Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động	<u>22.873.627.683</u>	<u>35.609.628.063</u>

IV.30.2 Cam kết khác mua lại cổ phiếu theo hợp đồng mua bán và mua bán lại cổ phiếu có kỳ hạn ("hợp đồng repo")

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có cam kết bán lại cổ phiếu như sau:

Cam kết	Ngày cam kết	Ngày cam kết bán lại	Số lượng cổ phiếu	Giá trị mua VNĐ	Giá trị cam kết bán lại VNĐ
Hợp đồng repo cổ phiếu Vosco (số 17/2008/BVSC-Repo/T1)	26 tháng 9 năm 2008	26 tháng 3 năm 2009	186.000	1.860.000.000	2.050.774.000
Hợp đồng repo cổ phiếu Vosco (số 19/2008/BVSC-Repo/T1)	13 tháng 10 năm 2008	13 tháng 4 năm 2009	198.000	1.980.000.000	2.184.204.000
Hợp đồng repo cổ phiếu Vosco (số 18/2008/BVSC-Repo/T1)	8 tháng 10 năm 2008	8 tháng 1 năm 2009	57.000	570.000.000	597.968.000
Tổng giá trị				<u>4.410.000.000</u>	<u>4.832.946.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.30 Các thông tin khác (tiếp theo)

IV.30.3 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	24,30	10,98
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	75,70	89,02
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ tổng tài sản	%	25,79	67,26
Nguồn vốn/tổng tài sản	%	74,21	32,74
Khả năng thanh toán			
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	Lần	2,94	1,32
(Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,94	1,32
Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	Lần	1,10	0,71
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	-	57,23
(Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	-	11,63
(Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)	%	-	143,06

V. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty, với tư cách là cổ đông sáng lập, cam kết góp vốn 5.000.000.000 đồng Việt Nam vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt có mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và sửa đổi lần 1 số 0103034168 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp tương ứng vào các ngày 9 tháng 1 năm 2009 và ngày 19 tháng 1 năm 2009. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt là đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Vào ngày 25 tháng 2 năm 2009, Công ty đã tiến hành điều chuyển cân đối 35.000.000.000 đồng Việt Nam từ tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty sang tài khoản tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất việc đối chiếu thanh toán bù trừ đến hết năm giữa Trụ sở tại Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

VI. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2009.


Bùi Quang Kỳ
Phụ trách kế toán




Nguyễn Quang Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2009